

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Tỉnh đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và phê duyệt khung Đề án An Giang điện tử giai đoạn 2019 - 2025, định hướng đến năm 2030, qua đó, đạt một số kết quả tích cực: cơ sở hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin được đầu tư khá đồng bộ; bước đầu hình thành các cơ sở dữ liệu nền và chuyên ngành, phục vụ triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin và dịch vụ Chính quyền điện tử; mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan đảng, nhà nước được triển khai liên thông 3 cấp từ Tỉnh đến huyện, xã và kết nối Trung ương; hệ thống hội nghị trực tuyến kết nối 3 cấp từ Trung ương đến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được sử dụng và phát huy hiệu quả. Từng bước thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, xây dựng chính quyền điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp.

Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển, việc thực hiện chuyển đổi số vẫn còn một số hạn chế, khó khăn: chỉ số Chuyển đổi số (DTI) của An Giang năm 2021 đạt khá thấp, đứng thứ 42/63 tỉnh, thành phố (trong đó, xếp hạng 41/63 về chính quyền số; xếp hạng 55/63 về kinh tế số; xếp hạng 50/63 về xã hội số). Việc xây dựng chính quyền điện tử chưa có đột phá, người dân tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4¹ và các nền tảng số còn hạn chế, đạt tỷ lệ chưa cao. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành và chuyển đổi số trong các tổ chức chính trị - xã hội còn thấp. Doanh nghiệp công nghệ số hoạt động trên địa bàn còn ít, quy mô nhỏ; chưa có nhiều doanh nghiệp tham gia vào sản thương mại điện tử, chưa tận dụng được thế mạnh của công nghệ số vào hoạt động phát triển sản xuất thương

¹ Theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ. Theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP (thay thế Nghị định số 43/2011/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 15/8/2022): cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo 02 mức độ toàn trình và một phần.

mai. Hạ tầng kỹ thuật trong các cơ quan đảng, đoàn thể chính trị - xã hội vẫn chưa đồng bộ, chưa kết nối với khối chính quyền và cần tiếp tục đầu tư phát triển nhanh hơn. Nguồn lực tài chính cho đầu tư vào công nghệ thông tin chưa tương xứng với yêu cầu phát triển; việc ứng dụng công nghệ thông tin và nhân lực về chuyển đổi số còn hạn chế.

Nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn nêu trên là do nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên và người dân về chuyển đổi số chưa đầy đủ, chưa đúng với bản chất thực sự của công cuộc chuyển đổi số quốc gia hiện nay; việc huy động nguồn lực xã hội đầu tư cho chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; trình độ dân trí chưa đồng đều, điều kiện và khả năng tiếp cận công nghệ thông tin, công nghệ số, nền tảng số còn hạn chế, chưa thấy được lợi ích việc chuyển đổi số mang lại.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Chuyển đổi số là yêu cầu tất yếu khách quan, là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, gắn với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và là động lực trong phát triển tỉnh An Giang.

Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong toàn xã hội đóng vai trò quyết định. Chuyển đổi số phải hướng đến lợi ích của người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương, nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của các cấp chính quyền gắn với đảm bảo quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Hoàn thiện môi trường pháp lý, ban hành giải pháp phù hợp, tạo động lực cho chuyển đổi số. Nghiên cứu hợp tác quốc tế trên lĩnh vực chuyển đổi số. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng là yếu tố then chốt để chuyển đổi số thành công và bền vững.

Chuyển đổi số cần có sự phối hợp đồng bộ, liên thông, chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị; phải tiến hành kiên quyết, kiên trì, liên tục với những bước đi vững chắc, chủ động, có trọng tâm, trọng điểm. Phát huy tối đa các nguồn lực, đảm bảo nguồn lực phù hợp cho việc chủ động thực hiện chuyển đổi số tại địa phương.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

- Phân đấu đến năm 2025, An Giang thuộc nhóm 20 địa phương dẫn đầu về chuyển đổi số; phát triển kinh tế số đạt 10% GRDP; tập trung chuyển

đổi số trong các lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm, thế mạnh của Tỉnh về nông nghiệp, giáo dục, y tế, du lịch...; nâng cao hoạt động hiệu quả quản lý, điều hành các cơ quan đảng, nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội; nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp và đời sống vật chất tinh thần của người dân.

- Phân đầu đến năm 2030, An Giang thuộc nhóm 15 địa phương dẫn đầu về chuyển đổi số; phân đầu kinh tế số đạt 20% GRDP.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Mục tiêu đến năm 2025

a) Về chính quyền số

- 100% dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình.
- 60% thông tin người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến.
- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.
- 80% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của Tỉnh; đồng thời được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.
- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử và giữa cơ quan nhà nước và cơ quan đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội hoàn toàn qua môi trường mạng.
- 100% lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng tập huấn kỹ năng số để sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng báo cáo công việc.
- 100% cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

b) Về kinh tế số

- Phân đầu kinh tế số đạt 10% GRDP.
- Phân đầu tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 10%.
- 100% sản phẩm thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) có mặt trên sàn thương mại điện tử.
- 60% dân số tham gia mua sắm trực tuyến.
- Trên 60% người dân biết sử dụng điện thoại thông minh vào khai thác các ứng dụng nền tảng phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Có ít nhất 5 doanh nghiệp công nghệ số, trong đó có ít nhất 02 doanh nghiệp công nghệ số phát triển sản phẩm, giải pháp, dịch vụ công nghệ thông tin.

- 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử; 50% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số; 80% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%.

c) Về xã hội số

- 100% hộ gia đình có địa chỉ số.

- 90% người dân, doanh nghiệp được trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số; có thể tham gia hoạt động học tập, lao động, sản xuất, đời sống và sinh hoạt trên môi trường số.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 70%.

- Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh đạt 90%.

- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 80%.

2.2.2. Mục tiêu định hướng đến năm 2030

a) Về chính quyền số

- Hoàn thiện cơ bản việc xây dựng chính quyền số; cơ quan nhà nước chỉ đạo, điều hành trên dữ liệu thực.

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên hệ thống thông tin báo cáo của Tỉnh.

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 100% cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- 100% hồ sơ công việc tại cơ quan đảng, nhà nước cấp tỉnh, 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

b) Về kinh tế số

- Phần đầu kinh tế số đạt 20% GRDP.

- Phần đầu tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 20%.

- 70% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số.
- 100% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.
- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%.

c) Về xã hội số

- 95% người dân, doanh nghiệp được trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số; có thể tham gia hoạt động học tập, lao động, sản xuất, đời sống và sinh hoạt trên môi trường số.

- 80% dân số, 100% doanh nghiệp có tài khoản giao dịch thương mại điện tử, thanh toán điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G và các công nghệ sau 5G.

- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 95%.

- Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh đạt 95%.

- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 90%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, doanh nghiệp và người dân về sự cấp thiết của chuyển đổi số theo Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu trong việc chủ động, sáng tạo tổ chức triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số gắn với công tác cải cách hành chính, phát triển kinh tế - xã hội địa phương, các ngành, lĩnh vực.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong tuyên truyền, thực hiện tốt chức năng giám sát, vận động nhân dân tích cực hưởng ứng chương trình chuyển đổi số tại địa phương.

Tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp vào quá trình chuyển đổi số; tham gia góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại.

2. Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển hạ tầng số; phát triển nguồn nhân lực; bảo đảm an toàn, an ninh mạng

2.1. Cơ chế, chính sách phát triển hạ tầng số

Tái cấu trúc toàn bộ hạ tầng dữ liệu, bao gồm kiến trúc dữ liệu đối với những dữ liệu quan trọng trong hệ thống chính quyền điện tử của Tỉnh, thông qua việc triển khai và khai thác kho dữ liệu dùng chung. Hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu của tỉnh có năng lực tính toán cao và được kết nối đồng bộ; bảo đảm hệ thống thông tin của Tỉnh ổn định, dựa trên công nghệ điện toán đám mây.

Xây dựng và thúc đẩy đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ, kết nối mạng Internet vạn vật (*IoT*). Xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

Đầu tư và phát triển hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật theo Kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin và truyền thông thống nhất trong các cơ quan đảng; đầu tư và phát triển hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật theo Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh An Giang trong các cơ quan nhà nước; xây dựng quy chế kết nối liên thông giữa các cơ quan đảng, đoàn thể chính trị - xã hội với khối chính quyền.

Xây dựng, phát triển Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh (*IOC*) để thực hiện quản lý, điều hành tập trung, đa nhiệm vụ trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, đô thị.

Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao do Tỉnh triển khai.

Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực cho lĩnh vực công nghệ thông tin. Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số và doanh nghiệp số trên địa bàn Tỉnh.

2.2. Phát triển, sử dụng nền tảng số

Tăng cường nghiên cứu, hợp tác phát triển và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ số.

Xây dựng và phát triển các cơ sở dữ liệu dùng chung của Tỉnh; chuẩn hóa và xây dựng các quy trình vận hành các hệ thống thông tin để bảo đảm công tác vận hành, khai thác được hiệu quả. Thực hiện kết nối với các nền tảng số quy mô quốc gia, như các nền tảng chung về: tích hợp và chia sẻ dữ liệu quốc gia, định danh và xác thực điện tử quốc gia, thanh toán điện tử; giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng.

Thí điểm phát triển, sử dụng nền tảng số quản trị tổng thể sở, ngành, địa phương hướng đến hoàn thiện nền tảng quản trị tổng thể cấp tỉnh. Phát triển, sử dụng nền tảng phân tích dữ liệu thông minh, sử dụng các công nghệ như học máy, khai thác dữ liệu phục vụ công tác dự báo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, hỗ trợ việc ra quyết định, xây dựng chính sách. Tích hợp, sử dụng các cơ sở dữ liệu Quốc gia vào ứng dụng tại địa phương.

Nâng cấp, hoàn thiện ứng dụng dùng chung của An Giang như một nền tảng số cung cấp đa dịch vụ, tiện ích theo hướng chia sẻ, tích hợp dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các ngành, địa phương,...

Cấu trúc lại hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông; khai thác hiệu quả các nền tảng và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu của đô thị; thúc đẩy mô hình quản lý thông minh trong vận hành, quản lý và khai thác hệ thống hạ tầng kỹ thuật của đô thị.

2.3. Phát triển nguồn nhân lực

Tổ chức đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng cho lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn Tỉnh. Đưa nội dung đào tạo về kiến thức, kỹ năng số vào chương trình các cấp học.

Xây dựng chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học trên địa bàn Tỉnh đẩy mạnh các chương trình đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số.

Chú trọng đào tạo và thu hút chuyên gia, nhân lực công nghệ thông tin, các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ đến Tỉnh đầu tư, làm việc.

2.4. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, phòng ngừa vi phạm, tội phạm trong quá trình chuyển đổi số trên địa bàn Tỉnh

Xây dựng Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng (SOC) cấp tỉnh kết nối với hệ thống hỗ trợ giám sát điều hành an toàn mạng quốc gia; bảo đảm an toàn cho các hệ thống và dữ liệu của quá trình chuyển đổi số.

Xây dựng cơ chế phối hợp, xử lý khi xảy ra các tình huống mất an toàn, an ninh hệ thống thông tin. Hàng năm và khi cần thiết có đánh giá độc lập an toàn thông tin mạng của Trung tâm dữ liệu và các cơ quan nhà nước trên địa bàn Tỉnh.

Thiết lập hệ thống giám sát thông tin trên môi trường mạng để kịp thời ngăn chặn, xử lý những thông tin xấu, độc. Trang bị phương tiện, thiết bị,

phần mềm chuyên dụng cho cơ quan thực thi an ninh mạng rà quét, cảnh báo, bóc gỡ những mã độc gây tổn hại đến các hệ thống thông tin.

Tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách an toàn, an ninh thông tin để ứng phó với các nguy cơ trên môi trường mạng và nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng cho người dân, doanh nghiệp để hạn chế rủi ro do các tội phạm mạng gây ra.

3. Tập trung xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, phát triển xã hội số

3.1. Xây dựng chính quyền số

Các cơ quan nhà nước đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số để xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện tốt các chính sách; cải tiến, thay đổi quy trình tác nghiệp để phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn. Hoàn thiện trung tâm dữ liệu, mạng truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống phần mềm dùng chung, dịch vụ số hóa dữ liệu. Thực hiện số hóa dữ liệu của các cơ quan, đơn vị, các ngành phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước tập trung, thông suốt. Đẩy mạnh hợp trực tuyến, hợp không giấy, chữ ký số, ... nhằm nâng cao chỉ số cải cách hành chính của Tỉnh.

Hướng dẫn người dân và doanh nghiệp triển khai các ứng dụng, nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân. Hoàn thiện hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên nền tảng số. Xây dựng, tạo lập dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp khai thác, truy cập, sử dụng, góp phần công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số. Kết nối nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Tỉnh (*LGSP*), với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Quốc gia (*NDXP*) để chia sẻ, khai thác dữ liệu tỉnh, quốc gia.

Đẩy nhanh chuyển đổi số trong quản lý đô thị, xây dựng chính quyền điện tử tiến tới chính quyền số ở đô thị gắn kết chặt chẽ với phát triển đô thị thông minh, thí điểm và hoàn thiện mô hình xã thông minh.

3.2. Phát triển kinh tế số

Đẩy mạnh công tác phổ biến kiến thức chung về kinh tế số. Tăng cường phổ biến quy định, đẩy mạnh các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển sang sản xuất, cung cấp dịch vụ trên nền tảng số. Nâng cao chất lượng nhân lực, hạ tầng thiết bị cơ bản phục vụ chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh.

Tổ chức các chương trình kết nối, chia sẻ, giới thiệu các mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, những doanh nghiệp thành công nhờ công nghệ số để thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

Xây dựng và phát triển Khu Công nghệ thông tin tập trung, tăng cường hợp tác quốc tế và kêu gọi đầu tư tạo đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

Triển khai các chương trình hỗ trợ thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ số. Tăng cường hợp tác quốc tế trong kinh tế số, quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ số của các doanh nghiệp số An Giang...

3.3. Phát triển xã hội số

Tăng cường phổ cập các chương trình đào tạo kỹ năng số cho người dân theo hình thức trực tuyến, thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, theo hướng dễ hiểu, dễ tiếp cận. Tăng cường tuyên truyền Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức.

Tạo môi trường thuận lợi phát triển hệ sinh thái ứng dụng công nghệ số nhằm cung cấp các sản phẩm, dịch vụ số thiết yếu, thông minh, dễ sử dụng cho người dân. Tăng cường hướng dẫn người dân đăng ký tài khoản công dân và hình thành dữ liệu điện tử trên Hệ thống thông tin dùng chung.

Xây dựng và tổ chức triển khai nền tảng số kết nối, phục vụ trực tuyến toàn chương trình cho công tác giảng dạy - học tập - thi cử cho học sinh, sinh viên, giáo viên để hình thành hệ sinh thái phát triển giáo dục số.

Xây dựng và tổ chức triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy và nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa để tạo sự bình đẳng trong việc tiếp cận các dịch vụ y tế giữa nông thôn và thành thị.

Tăng cường triển khai trên không gian mạng các sản phẩm văn hóa, lịch sử đặc trưng, xây dựng văn hóa và con người An Giang nghĩa tình, năng động, sáng tạo, quảng bá hình ảnh địa phương.

4. Tập trung chuyển đổi số một số ngành, lĩnh vực trọng yếu

- *Lĩnh vực du lịch*: ưu tiên triển khai du lịch thông minh trên địa bàn Tỉnh; thực hiện mỗi người dân là một hướng dẫn viên du lịch; xây dựng hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu giới thiệu các khu điểm du lịch, các điểm tham quan, di tích lịch sử, ứng dụng công nghệ số trong du lịch.

- *Lĩnh vực nông nghiệp*: xây dựng cơ sở dữ liệu về nông nghiệp trên nền tảng dữ liệu lớn có sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân, cộng đồng.

Xây dựng bản đồ số nông nghiệp, kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu mở để thực hiện dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp. Thúc đẩy, khuyến khích nông dân tham gia các hoạt động ứng dụng công nghệ số vào quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ nông nghiệp. Áp dụng các chương trình, phần mềm, thiết bị Internet vạn vật nhằm tối ưu hoá việc sử dụng tài nguyên (*nước, đất đai*), kiểm soát dịch bệnh, tăng năng suất lao động, giảm phụ thuộc vào điều kiện thời tiết.

Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong các chương trình khoa học công nghệ, quản lý chất lượng nước, quy trình chăm sóc cây trồng, vật nuôi; áp dụng công nghệ tự động hóa trong chế biến để giảm chi phí, bảo đảm chất lượng sản phẩm; ứng dụng công nghệ chuỗi khối, hệ thống thông tin địa lý (*GIS*) để truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý.

Chủ động tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử kết nối cung cầu sản phẩm nông nghiệp. Thu hút, phát triển các sản phẩm ứng dụng trong nông nghiệp. Tạo dựng môi trường, hệ sinh thái số nông nghiệp, thúc đẩy chuyển đổi từ “*Sản xuất nông nghiệp*” sang “*Kinh tế nông nghiệp*”, phát triển nền nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.

- *Lĩnh vực y tế*: nâng cao chất lượng khám và điều trị, ngăn ngừa dịch bệnh, từng bước tạo ra sự bình đẳng trong việc tiếp cận các dịch vụ y tế giữa khu vực nông thôn và thành thị.

Xây dựng hệ thống thông tin điều hành y tế thông minh, mô hình bệnh viện thông minh, bệnh án điện tử cho các bệnh viện, trung tâm y tế, quản lý chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Nâng cấp hệ thống lưu trữ và chẩn đoán hình ảnh. Đào tạo, huấn luyện về y tế thông minh, an ninh mạng và xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định y học lâm sàng. Hoàn thiện hệ thống kết nối trực tuyến với các bệnh viện lớn của vùng, cả nước để nâng cao năng lực điều trị, chất lượng khám, chữa bệnh.

- *Lĩnh vực giáo dục và đào tạo*: tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; phát triển toàn diện xây dựng trường học số trong ngành giáo dục; tập trung thực hiện: tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học; triển khai đồng bộ hệ thống

thông tin quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; nâng cao chỉ số phát triển nguồn nhân lực về Chính phủ điện tử (HCI); huy động các nguồn lực tham gia ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số và tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện cơ chế, chính sách.

Trong đó, chú trọng hoàn chỉnh hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của ngành Giáo dục và Đào tạo; bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ công nghệ thông tin, kiến thức số, kỹ năng số cho công chức, viên chức toàn Ngành. Triển khai đào tạo, áp dụng mô hình Khoa học - Công nghệ - Kỹ thuật - Toán học (*STEM*), Khoa học - Công nghệ - Kỹ thuật - Nghệ thuật - Toán học (*STEAM*). Số hóa tài liệu, giáo trình, xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến, tạo điều kiện cho mọi người dân có thể tham gia học tập suốt đời. Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập để tạo ra nguồn lao động có đủ tri thức, kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế.

- *Lĩnh vực quản lý quy hoạch và phát triển đô thị*: nhằm hoàn thiện hệ thống các bản đồ, cơ sở dữ liệu đồng bộ, đầy đủ, chi tiết, chính xác cao đáp ứng các yêu cầu về dữ liệu và phục vụ quản lý quy hoạch, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị thành phố Long Xuyên đến năm 2025 và phạm vi toàn Tỉnh đến năm 2030, để sử dụng một hệ thống cơ sở dữ liệu, hệ thống bản đồ chung; thiết lập một hệ thống phần mềm quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị tập trung, thống nhất. Đáp ứng nhu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ bản đồ số cho các đơn vị tham gia vào quản lý quy hoạch, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng từ Tỉnh đến cơ sở, căn cứ vào quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết và chức năng, nhiệm vụ, điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị mình, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết với giải pháp, bước đi phù hợp.

2. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trong đó, xác định lộ trình, danh mục nhiệm vụ, dự án thực hiện, bố trí ngân sách cụ thể và phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thực hiện đạt hiệu quả; chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành các cơ chế, chính sách để thực hiện Nghị quyết.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn và phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết cho cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị; phổ biến, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết, tạo sự thống nhất cao về tư tưởng, ý chí và hành động, quyết tâm thực hiện đạt kết quả cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết đề ra.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Ban Kinh tế Trung ương (để báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Ban cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông (để báo cáo),
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo),
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn (để thực hiện),
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể tỉnh (để thực hiện),
- Các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy (để thực hiện),
- Các đồng chí tỉnh ủy viên (để biết và thực hiện),
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Lê Hồng Quang